

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÐ, TỈNH BT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2018/DS – ST

Ngày: 11/4/2018.

V/v : “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÐ, TỈNH BT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tháo

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thanh Nhân

Ông Nguyễn Ngọc Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Thành Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh BT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện BÐ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2018 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện BÐ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2018/TLST – DS ngày 25 tháng 01 năm 2018 về việc: “Tranh chấp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2018/QĐXXST – DS ngày 30 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Châu Thị A, sinh năm: 1958.

Địa chỉ: ấp BL, xã DHL, huyện BÐ, tỉnh BT .

- Bị đơn: Bà Phan Thị K, sinh năm: 1965.

Địa chỉ: Khu phố 1, Thị Trấn BÐ, huyện BÐ, tỉnh BT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05/12/2018, trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án và trong quá trình xét xử Nguyên đơn là bà Châu Thị A trình bày:

Vào các năm 2015, 2016 và 2017 bà A có tham gia chơi hụi do bà K làm chủ hụi, bà A tham gia 03 dây hụi gồm:

Dây thứ nhất: Hụi 3.000.000 đồng, mở vào ngày 15/10/2015 âm lịch, dây hụi gồm 33 phần, mỗi tháng khui 02 lần vào ngày 15 và 30 âm lịch hằng tháng, bà A tham

01 phần. Khi chơi không có làm giấy tờ, hai bên thỏa thuận bằng lời nói. Quá trình thực hiện hợp đồng bà A đóng cho bà K được 32 lần với số tiền 96.000.000 đồng.

Dây thứ hai: Hụi 3.000.000 đồng, mở vào ngày 10/6/2016 âm lịch, dây hụi gồm 30 phần, mỗi tháng khai 02 lần vào ngày 10 và 25 âm lịch hằng tháng, bà A tham 01 phần. Khi chơi không có làm giấy tờ, hA bên thỏa thuận bằng lời nói. Quá trình thực hiện hợp đồng bà A đóng cho bà K được 16 lần với số tiền 38.700.000 đồng.

Dây thứ ba: Hụi 3.000.000 đồng, mở vào ngày 15/01/2017 âm lịch, dây hụi gồm 30 phần, mỗi tháng khai 02 lần vào ngày 10 và 25 âm lịch hằng tháng, bà A tham 01 phần. Khi chơi không có làm giấy tờ, hA bên thỏa thuận bằng lời nói. Quá trình thực hiện hợp đồng bà A đóng cho bà K được 02 lần với số tiền 4.900.000 đồng.

Đến ngày 12/02/2017 thì bà K đơn phương chấm dứt tổ chức chơi hụi và nợ bà A 03 dây hụi với số tiền là 139.600.000 đồng. Tôi yêu cầu Tòa án buộc bà K có nghĩa vụ trả cho tôi 139.600.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Tổng cộng 03 dây hụi bà A đóng cho bà P là 139.600.000 đồng. Đến ngày 12/02/2017 âm lịch thì bà P tự ý đơn phương chấm dứt chơi hụi nhưng không trả cho bà A số tiền trên.

Nay bà A yêu cầu Tòa án buộc bà K có nghĩa vụ trả cho bà A 139.600.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình tham gia tổ tụng tại Tòa án và trong quá trình xét xử Bị đơn là bà Phan Thị K trình bày:

Vào các năm 2015, 2016 và 2017 bà A có tham gia chơi hụi do bà K làm chủ hụi. Khi chơi hụi không có làm giấy tờ chỉ thỏa thuận bằng lời nói. Đến ngày 12/02/2017 âm lịch thì bà K tự ý đơn phương chấm dứt chơi hụi. Dây hụi ngày 15/10/2015 âm lịch bà K nợ bà A 96.000.000 đồng, dây hụi 10/6/2016 âm lịch bà K nợ bà A 38.700.000 đồng, dây hụi ngày 15/01/2017 bà K nợ bà A 4.900.000 đồng. Tổng cộng 03 dây hụi bà P nợ bà A số tiền 139.600.000 đồng.

Nay bà A yêu cầu Tòa án buộc bà K có nghĩa vụ trả cho bà A 139.600.000 đồng bà K đồng ý trả nhưng xin trả dần hằng tháng 1.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

Tại phiên tòa các bên đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu nói trên.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện BD phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 479 của Bộ luật dân sự năm 2005, Nghị định số: 144/2006/NĐ – CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hộ, hui, biêu, phường, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A, buộc bà K, có nghĩa vụ trả cho bà A 139.600.000 đồng. Ghi nhận bà A không yêu cầu bà K trả lãi số tiền trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Theo bà Châu Thị A trình bày vào các năm 2015, 2016 và năm 2017 giữa bà Châu Thị A và bà Phan Thị K có thiết lập giao dịch dân sự về việc chơi hui. Do đó quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là: “Tranh chấp hui” được quy định tại Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2005 và khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Theo xác nhận ngày 30/11/2017 của Công an thị trấn BĐ, huyện BĐ: Bà Phan Thị K có đăng ký thường trú tại Khu phố 1, thị trấn BĐ, huyện BĐ và hiện nay đang sinh sống tại địa phương. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện BĐ.

[3] Về thời hiệu khởi kiện:

Bà Châu Thị A khởi kiện yêu cầu yêu cầu bà Phan Thị P có nghĩa vụ trả cho bà Châu Thị A 139.600.000 đồng. Bà Châu Thị A cho rằng bà tham gia chơi hui vào các năm 2015, 2016 và năm 2017, đến ngày 12/02/2017 âm lịch thì bà Phan Thị K tự ý đơn phương chấm dứt chơi hui. Ngày 05/12/2017 bà Châu Thị A khởi kiện yêu cầu bà Phan Thị K có nghĩa vụ trả nợ là còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa, bà A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu bà K có nghĩa vụ trả cho bà A 139.600.000 đồng và không yêu cầu tính lãi. Trong quá trình giải quyết vụ án bà K thừa nhận hiện nay còn nợ bà A 139.600.000 đồng tiền hui nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bà K đồng ý trả cho bà A 139.600.000 đồng nhưng xin trả dần hằng tháng 1.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Tại phiên tòa yêu cầu của bà K không được bà A chấp nhận, bà K không trả tiền cho bà A là vi phạm nghĩa vụ trả nợ, xâm phạm đến quyền và lợi ích của bà A, bà K xin trả dần cho bà A là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[5] Lời phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án bà K có nghĩa vụ trả tiền cho bà A 139.600.000 đồng là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A. Buộc bà K có nghĩa vụ trả cho bà A 139.600.000 đồng.

Về lãi: Do bà A không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Buộc bà K phải chịu: $139.600.000đ \times 5\% = 6.980.000$ đồng.

Bà A không phải chịu án phí nên được nhận lại số tiền đã nộp là: 3.490.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 479 của Bộ luật dân sự năm 2005.

- Điều 357, 429 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Nghị định số: 144/2006/NĐ – CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Châu Thị A đối với bà Phan Thị K về ‘Tranh chấp hợp đồng góp hui’.

Buộc bà Phan Thị K (P) có nghĩa vụ trả cho bà Châu Thị A số tiền nợ hui là 139.600.000 đồng (*Một trăm ba mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng*).

Ghi nhận bà A không yêu cầu bà K trả lãi số tiền trên.

[2]. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày Bản án có hiệu lực; Kể từ ngày bà Châu Thị A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Phan Thị K không trả số tiền nêu trên thì hàng tháng bà Phan Thị K còn phải trả cho bà Châu Thị A khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Buộc bà Phan Thị K phải chịu: 6.980.000 đồng (*Sáu triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng*).

Bà Châu Thị A không phải chịu án phí nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 3.490.000 đồng (*Ba triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng*) theo biên 1A thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0006355 ngày 25/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BD.

[4]. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh BT giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện BD;
- Chi cục THADS huyện BD;
- TAND tỉnh BT (P.KTNV & THA);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phạm Văn Tháo

